

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 24 - 10 - 2022  
V/v: “Tranh chấp về ly hôn  
và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Phương và bà Nguyễn Thị Chương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1984.

2. *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị Ngọc A, sinh năm 1984.

Cùng cư trú tại địa chỉ: Xóm 3, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa có mặt anh H; vắng mặt chị Ngọc A không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:

Anh và chị Trịnh Thị Ngọc A kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn có được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau, chị Ngọc A nghi ngờ anh ngoại tình nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 05/2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trịnh Thị Ngọc A.

Tại đơn không đồng ý ly hôn ngày 20/8/2022, bản tự khai ngày 23/8/2022, bị đơn chị Trịnh Thị Ngọc A trình bày:

Chị nhất trí với anh H trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng. Chị Ngọc A xác định sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 04/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên chơi lô đề dẫn đến nợ nần, chị và bố mẹ anh H phải đi trả nợ thay cho anh H; ngoài ra anh H còn có quan hệ ngoại tình với chị Trần Thị H ở địa chỉ số nhà 74 đường N, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên về lạnh nhạt với chị; vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 05/2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không đồng ý ly hôn, chị xin đoàn tụ; đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết về mối quan hệ bất chính giữa anh H và chị H.

Về con chung: Anh H và chị Ngọc A thống nhất xác định vợ chồng anh chị có 03 con chung là các cháu Lê Thùy D, sinh ngày 28/3/2011; Lê Phương N, sinh ngày 05/8/2013 và Lê Đăng K, sinh ngày 21/10/2015, hiện các cháu đang do chị Ngọc A nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh H xin nuôi cháu K và giao cháu D, N cho chị Ngọc A nuôi dưỡng; chị Ngọc A đề nghị giao cả 03 con chung cho anh H nuôi dưỡng, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về con nuôi, con riêng: Anh chị đều xác định không có. Chị Ngọc A hiện không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh H, chị Ngọc A thống nhất xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng của cháu Lê Thùy D: Hiện nay cháu đang học lớp 6B trường trung học cơ sở L, thành phố P. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Nguyên vọng của cháu Lê Phương N: Hiện nay cháu đang học lớp 4A trường tiểu học L, thành phố P. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Nguyên vọng của cháu Lê Đăng K: Hiện nay cháu đang học lớp 2A trường tiểu học L, thành phố P. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được ở với bố.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Lê Văn H vẫn giữ nguyên quan điểm: Về hôn nhân anh xin ly hôn với chị Trịnh Thị Ngọc A. Về con chung: Anh xin nuôi dưỡng cháu Lê Đăng K còn để chị Ngọc A nuôi dưỡng cháu Lê Thùy D và Lê Phương N, anh có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lê Phương N mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng. Các vấn đề khác anh không đề nghị giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án

đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, thời gian, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, cụ thể vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn nhân giữa anh Lê Văn H và chị Trịnh Thị Ngọc A.

2/ Về con chung: Giao cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lê Đăng K; giao cho chị Trịnh Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là các cháu Lê Thùy D và Lê Phương N. Anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lê Phương N mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn H phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Lê Văn H có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trịnh Thị Ngọc A có nơi cư trú tại xóm 3, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa ngày hôm nay là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Anh Lê Văn H và chị Trịnh Thị Ngọc A tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn H, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 04/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh chị bất đồng về quan điểm sống, cách sống; không tin tưởng nhau, chị Ngọc A cho rằng anh H ngoại tình với người phụ nữ khác nên về đối xử với chị lạnh nhạt; vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2022 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng. Mặc dù chị Ngọc A đang ở nhà bố mẹ đẻ anh H nhưng anh chị không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm, việc vợ chồng anh chị sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 5/2022 đến nay là có thật, được đôi bên thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngọc A xin đoàn tụ nhưng chị không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, chị không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử vụ án cho thấy việc chị Ngọc A xin đoàn tụ là không thiện chí. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Trịnh Thị Ngọc A là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh H và chị Ngọc A đều thống nhất xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu Lê Thùy D, sinh ngày 28/3/2011 (con gái); Lê Phương N, sinh ngày 05/8/2013 (con gái) và Lê Đăng K, sinh ngày 21/10/2015 (con trai). Tại phiên tòa anh H xin được nuôi cháu K, còn để chị Ngọc A nuôi cháu D và cháu N, anh có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 23/8/2022 (BL32) chị Ngọc A có quan điểm để anh H nuôi cả 3 cháu; tại bản tự khai cùng ngày 23/8/2022 chị Ngọc A lại có quan điểm chị xin nuôi cháu K để anh H nuôi 2 cháu D và N; song tại biên bản làm việc ngày 18/10/2022 chị Ngọc A lại có quan điểm xin được nuôi cả 3 cháu và yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, song việc giao con cho ai nuôi phải xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu. Xét thấy, hiện cả anh H và chị Ngọc A đều có công việc và thu nhập ổn định, anh H có thu nhập khoảng 25.000.000 đồng/tháng còn chị Ngọc A có thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng; cháu D và cháu N là con gái đang trong độ tuổi phát triển về tâm sinh lý nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu, cần giao cháu K cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu D và cháu N cho chị Ngọc A nuôi dưỡng; anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N là 2.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con nuôi, con riêng: Anh H và chị Ngọc A đều thống nhất không có, chị Ngọc A hiện không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H và chị Ngọc A đều thống nhất không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về vấn đề khác: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngọc A trình bày anh H hiện đang có quan hệ ngoại tình với chị Trần Thị H ở địa chỉ: Số nhà 74 đường N, tổ dân phố B 1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam và chị đề nghị giải quyết mối quan hệ của chị H và anh H theo quy định của pháp luật. Song tại biên bản làm việc ngày 18/10/2022, chị Ngọc A có quan điểm sẽ làm đơn đề nghị cơ quan Công an giải quyết mối quan hệ này theo quy định của pháp luật và chị không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Trịnh Thị Ngọc A.

2/ Về con chung: Giao anh Lê Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Đăng K, sinh ngày 21/10/2015 (con trai). Giao cho chị Trịnh Thị Ngọc A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Thùy D, sinh ngày 28/3/2011 (con gái) và cháu Lê Phương N, sinh ngày 05/8/2013 (con gái) cho đến khi các trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ngọc A đối với cháu Lê Phương N là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1 tháng kể từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Đổi trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000435 ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, anh H có mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND xã Liêm Chung,  
TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)  
**Nguyễn Thị Kim Ngân**